

## **BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

### **I. THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN**

**1. Tên sáng kiến: Một số biện pháp nâng cao kỹ năng viết đoạn văn ngắn cho học sinh lớp 3 – Theo Chương trình GDPT 2018.**

**2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Môn Tiếng Việt - Lớp 3**

**3. Tác giả:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Nhung

Ngày/tháng/năm sinh: 08/ 11/ 1990

Chức vụ, đơn vị công tác: Giáo viên - Trường Tiểu học Trường Thọ

Điện thoại : 0985077059

**4. Đơn vị áp dụng sáng kiến:**

Tên đơn vị: Trường Tiểu học Trường Thọ.

Địa chỉ: xã Trường Thọ, huyện An Lão, TP Hải Phòng.

Điện thoại: 02253872511

### **II. MÔ TẢ GIẢI PHÁP ĐÃ BIẾT**

Hoạt động nhận thức của trẻ em ở lứa tuổi Tiểu học thường mang tính trực quan, cụ thể, cảm tính. Ở mỗi lứa tuổi học sinh lại có đặc điểm và khả năng nhận thức nhất định. Nếu như các em học sinh ở lứa tuổi lớp 4-5 đã biết dựa trên các dấu hiệu bản chất, những dấu hiệu chung của sự vật, hiện tượng để khái quát thành khái niệm, quy luật thì ở lứa tuổi lớp 3 tri giác của các em còn mang tính đại thể, ít đi sâu vào chi tiết và mang tính chủ động. Các em học sinh lớp 3 đã bắt đầu hình thành khả năng tưởng tượng tái tạo, biết so sánh các sự vật, phân biệt điểm giống nhau và khác nhau giữa hai sự vật, biết ví von sự vật này với sự vật khác. Do vậy, phát triển năng lực viết sáng tạo cho học sinh viết đoạn văn sẽ giúp trí tưởng tượng của trẻ phát triển hơn. Điều này còn giúp cho các em giao tiếp tốt hơn.

Trong phân môn Tiếng Việt, hoạt động Luyện viết đoạn văn là một hoạt động có vai trò quan trọng trong việc dạy học sinh hình thành văn bản nói và viết. Đây là một hoạt động khó dạy trong chương trình Tiếng Việt tiểu học. Dạy hoạt động Luyện viết đoạn văn được tốt tức là người giáo viên đã thâm nhập cả chuỗi kiến thức từ các hoạt động: đọc, đọc mở rộng, nói và nghe hay luyện tập. Chính vì thế mà hoạt động luyện viết đoạn văn có tính chất tổng hợp, là kết quả lĩnh hội các kiến thức của môn Tiếng Việt. Mỗi giáo viên khi giảng dạy cũng áp dụng các giải pháp như:

- Giáo viên dạy đúng đặc trưng phân môn, bám sát yêu cầu cần đạt và dựa theo quy trình SGK và SGV .

- Hướng dẫn học sinh trả lời các câu hỏi gợi ý trong sách giáo khoa.

- Sau khi trả lời , học sinh sắp xếp các ý theo thứ tự và trình bày miệng.

- Giáo viên có điều chỉnh, nhận xét.

- Hoạt động chấm chữa, sửa lỗi: Giáo viên điều hành cho học sinh đọc bài của

mình sau khi viết, học sinh nhận xét và bổ sung cho bạn, giáo viên bổ sung thêm, có thể chỉnh sửa và bổ sung ý hay cho học sinh.

Tuy nhiên với cách dạy này tôi thấy có những ưu điểm và tồn tại như sau:

### **1. Ưu điểm**

- Học sinh cơ bản nắm được nội dung của bài học, tiết học
- Từ các câu hỏi gợi ý học sinh trả lời và viết được thành một đoạn văn hoàn chỉnh, các câu có sự liên kết về ý.
- Đoạn văn của học sinh viết đúng yêu cầu, rõ ràng về nội dung, đảm bảo về bố cục.

### **2. Nhược điểm:**

Học sinh lớp 3 bước đầu kế thừa, tập làm quen hoạt động luyện viết đoạn văn từ lớp 2 nên cách dùng từ và sắp xếp câu trong đoạn của học sinh còn lúng túng.

Kiến thức về cuộc sống thực tế của học sinh còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc tiếp thu bài học.

Vốn từ vựng của học sinh còn hạn chế, chưa phong phú cũng ảnh hưởng đến việc thực hành luyện tập. Cụ thể là: Các em viết câu trả lời rời rạc, chưa liên kết, thiếu logic, tính sáng tạo trong thực hành viết chưa cao thể hiện ở cách trình bày bố cục đoạn văn, dấu chấm câu, sử dụng hình ảnh gợi tả chưa sinh động.

Một số học sinh viết đoạn rập khuôn theo mẫu, theo gợi ý, áp dụng một cách máy móc, chưa biết vận dụng bài mẫu để hình thành lối hành văn riêng của mình. Ví dụ: Phần lớn học sinh dùng luôn lời cô hướng dẫn để viết bài của mình.

Giáo viên chưa chú trọng đổi mới phương pháp, hình thức dạy học chưa thật phong phú, chưa linh hoạt về phương pháp và hình thức tổ chức nên chưa phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh.

Từ thực tiễn giảng dạy, qua việc dự giờ thăm lớp và qua sự trao đổi với các bạn đồng nghiệp, tôi đã đưa ra sáng kiến: "**Một số biện pháp nâng cao kỹ năng viết đoạn văn ngắn cho học sinh lớp 3 – Theo Chương trình GDPT 2018.**"

## **III. Nội dung giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến**

### **III.1 Nội dung giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến**

#### **1. Nội dung giải pháp**

**Giải pháp 1: Rèn kỹ năng diễn đạt cho học sinh (nói, viết) và mở rộng vốn từ**

**Giải pháp 2: Sử dụng linh hoạt các hình thức, kỹ thuật dạy học theo hướng tập trung vào học sinh.**

**Giải pháp 3: Vận dụng lồng ghép, tích hợp các phân môn của Tiếng Việt khi dạy viết đoạn.**

**Giải pháp 4: Ứng dụng sơ đồ tư duy theo chủ đề**

**Giải pháp 5: Coi trọng việc chấm, chữa bài và nhận xét bài làm cho học sinh.**

#### **2. Cách thức/quy trình thực hiện các giải pháp.**

## 2.1. Giải pháp 1: Rèn kĩ năng diễn đạt cho học sinh (nói, viết) và mở rộng vốn từ

### 2.1.1. Rèn kĩ năng diễn đạt (nói, viết)

Để thực hành nói, viết đạt hiệu quả trước hết giáo viên giúp học sinh có một hệ thống câu hỏi gợi ý rõ ràng. Trong chương trình, hầu hết các bài đều có câu hỏi gợi ý rõ, đầy đủ. Đối với những bài không có câu hỏi, giáo viên có thể soạn, cung cấp những câu hỏi gợi mở cho các em.

\* *Hướng dẫn học sinh hình thành đoạn văn trên cơ sở các câu hỏi gợi ý:*

Các bước tiến hành:

+ Hướng dẫn học sinh làm miệng, trả lời miệng từng câu hỏi. Gợi ý cho học sinh trả lời bằng nhiều ý kiến khác nhau.

+ Hướng dẫn học sinh sắp xếp các câu trả lời đó theo một trật tự hợp lí để hoàn chỉnh bài làm miệng.

+ Cho một số học sinh làm miệng cả bài. Sau đó hướng dẫn học sinh viết liền mạch các câu trả lời thành một đoạn văn.

+ Giới thiệu những bài văn hay của học sinh ở năm học trước nhằm kích thích tinh thần học tập của học sinh.

Trong khi học sinh trình bày miệng đoạn văn, giáo viên chú ý hướng dẫn học sinh nhận xét bài của bạn. Đồng thời, giáo viên cũng chú ý quan sát, lắng nghe để giúp học sinh nhận xét, sửa các lỗi về dùng từ, đặt câu, diễn đạt rõ ý, lưu loát. Giáo viên cũng chú ý rèn kĩ năng nói cho học sinh, giúp học sinh nói mạch lạc, tự tin, rõ ràng đoạn văn của mình

\* *Giúp học sinh nắm được trình tự các bước khi viết một đoạn văn:* Học sinh dựa vào bài đã làm miệng viết thành đoạn văn hoàn chỉnh theo các bước:

- Viết câu mở đầu: Giới thiệu đối tượng cần viết (có thể diễn đạt bằng một câu).

- Phát triển đoạn văn: kể về đối tượng: có thể dựa theo gợi ý, mỗi gợi ý có thể diễn đạt bằng một hoặc hai câu tùy theo năng lực học sinh.

- Câu kết thúc: có thể viết một câu thường là nói về tình cảm, suy nghĩ, mong ước của em về đối tượng được nêu trong bài hoặc nêu ý nghĩa, ích lợi của đối tượng đó với cuộc sống, với mọi người.

- Hướng dẫn học sinh viết bài: Giáo viên nêu yêu cầu của bài viết: Chỉ viết câu trả lời. Câu phải có đủ bộ phận chính. Đầu câu phải viết hoa, cuối câu phải có dấu kết thúc câu. Giữa các câu (nếu có thể) dùng dấu phẩy hoặc viết từ nối ở đầu câu sau nhằm giúp cho bài làm thêm liền mạch.

- Cuối cùng, giáo viên yêu cầu học sinh đọc lại bài đã viết để sửa chữa, bổ sung. Giáo viên chấm bài.

### 2.1.2. Mở rộng vốn từ ngữ nền tảng:

Thực trạng hiện nay: Đa số học sinh viết văn chưa có ý thức sử dụng từ ngữ gợi tả màu sắc, âm thanh... vì vậy mà câu văn kém sinh động, viết câu đúng nhưng chưa hay.

Ví dụ 1: Bông hoa hồng màu đỏ.

Ví dụ 2: Em đến trường để dự lễ khai giảng.

Ví dụ 3: Em trồng cây.

Từ 3 ví dụ trên chúng ta thấy, học sinh mới chỉ viết đúng nhưng chưa hay, câu văn mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin cho người đọc ( bông hoa hồng màu đỏ, em đi dự lễ khai giảng, em trồng cây). Chính vì vậy mà câu văn của các em viết còn ngắn, cộc lốc, chưa có hình ảnh sinh động, lời văn chưa mượt mà.

Để giúp học sinh mở rộng vốn từ, điều quan trọng nhất là giáo viên phải hướng dẫn, tích lũy trong đầu các em hệ thống các từ ngữ. Ngay những buổi học đầu tiên, tôi đã dành thời gian để mở rộng vốn từ ngữ cho học sinh bằng cách viết sổ tay văn học. Tôi đã hướng dẫn các em mở rộng vốn từ ngữ về: tự nhiên, đồ vật, con vật... (như mặt trời, chim chóc, hoa lá...); mở rộng vốn từ về trạng thái, cảm xúc của con người (vui sướng, hào hứng, hứng thú, say mê, thích thú, tự hào, hạnh phúc...); mở rộng vốn từ ngữ về đặc điểm của hoạt động (hăng say, khéo léo, tỉ mỉ, cẩn thận...). Hệ thống các từ ngữ ấy gọi là từ ngữ “ kim cương”, các em sẽ vận dụng vào từng bài cụ thể để vận dụng viết câu hay hơn.

Sau khi hướng dẫn học sinh sử dụng từ ngữ kim cương ấy, các con đã biết diễn đạt lại câu văn hay hơn và có hình ảnh hơn như:

- Bông hoa hồng khoác trên mình một chiếc váy đỏ lộng lẫy kiêu sa.

- Với khuôn mặt vui tươi phấn khởi, em tung tăng cắp sách đến trường để dự lễ khai giảng chào đón năm học mới.

- Em nhanh nhẹn cùng bố trồng những hàng cây xanh thắm.

Ngoài ra tôi còn hướng dẫn học sinh mở rộng vốn từ theo từng chủ đề, bài học:

Ví dụ 1: Dạy bài 8 tuần 4: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của em đối với bạn/ SGK TV 3/ 41/ Tập 1.

**Mở rộng vốn từ: Từ ngữ miêu tả ngoại hình:**

Hình dáng của bạn: tròn trịa, mũm mĩm, mập mạp, mảnh khảnh, gầy gò, nhỏ nhắn, vừa vặn thon thả...

Nước da: ngăm đen, trắng hồng, hồng hào, trắng như trứng gà bóc, trắng trẻo, đen nhẻm, nước da bánh mật, ngăm đen ...

Khuôn mặt: xinh xắn đáng yêu, bầu bĩnh, trái xoan, đôi má phúng phính, nụ cười tươi như hoa, nở cái miệng xinh xắn chúm chím như nụ hồng, ánh mắt thân thiện...

Với các từ ngữ học sinh tìm được tôi thường yêu cầu học sinh tập đặt câu để qua đó các em hiểu thêm về nghĩa của từ đồng thời thấy được giá trị biểu cảm của câu văn

nếu từ ngữ được dùng hay, chính xác. Loại bài tập này tôi thường đưa xen vào các hoạt động đọc, viết, luyện tập bằng các câu hỏi nhỏ.

**Để làm giàu vốn từ ngữ cho học sinh tôi còn hướng dẫn học sinh tích lũy vốn từ thông qua việc sưu tầm và sử dụng hợp lí hệ thống tranh ảnh.**

Như chúng ta đã biết, vốn từ ngữ trong cuộc sống là cực kì phong phú. Trong đó từ ngữ được giới thiệu trong các bài học chỉ là một bộ phận nhỏ. Vì vậy song song với công việc hệ thống hoá lại các từ ngữ theo từng chủ điểm từ các bài tập trong các hoạt động đọc, viết, luyện tập tôi đã luôn cố gắng giúp học sinh tự khai thác vốn từ trong cuộc sống bằng cách trong quá trình giảng dạy tôi hết sức quan tâm đến vấn đề sử dụng đồ dùng dạy học.

Ví dụ: Dạy bài 10 tuần 5: Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc đối với một người mà em yêu quý./SGK TV 3/ tập 1/ 49. Tôi đã cho học sinh quan sát hình ảnh một số người thân, từ đó giúp các em hình dung đặc điểm của người đó, lựa chọn từ ngữ miêu tả phù hợp để vận dụng viết đoạn văn.

- Hình ảnh của em bé, một người phụ nữ (mẹ, cô, dì):



- **Đặc trưng của em bé:** khuôn mặt bầu bĩnh, đôi má phúng phính/ửng hồng/đáng yêu, đôi mắt sáng long lanh/toát lên vẻ ngây thơ, nước da trắng hồng/ da nâu mịn màng, hay cười, miệng chum chím như nụ hồng, ê a nói chuyện, tung tăng chạy nhảy, chập chững tập đi, bi bô tập nói, thích nhảy theo nhạc, ...

- **Đặc điểm của phụ nữ (mẹ/dì/cô):** dáng người thon thả/đầy đặn, cao dong dỏng/hơi thấp, nước da trắng hồng/da ngăm khỏe mạnh, mái tóc ngắn năng động/mái tóc dài thướt tha/mái tóc xoăn cá tính, đôi mắt toát lên vẻ triu mến, nụ cười hiền từ, hay giúp đỡ người khác, ít nói/hay cười hay nói, yêu thương mọi người, hiền lành, ăn mặc giản dị/điều đà/lich sự, hát hay, múa dẻo, nấu ăn ngon,...

Tôi nhận thấy rằng với việc sử dụng tranh ảnh minh hoạ như vậy không những giúp các em khai thác được vốn từ ngữ vô cùng phong phú trong cuộc sống mà còn giúp các em trong lớp bổ sung vốn từ cho bản thân, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để lựa chọn từ ngữ hợp lí trong việc diễn đạt câu văn.

**2.2. Giải pháp 2: Sử dụng linh hoạt các hình thức, kĩ thuật dạy học theo hướng tập trung vào học sinh.**

Tổ chức tốt các hình thức dạy học sẽ cuốn hút học sinh vào các hoạt động học tập một cách chủ động tích cực. Muốn rèn kĩ năng cho học sinh thì giáo viên phải tổ chức giờ học theo hướng tập trung vào học sinh, tạo nhiều cơ hội cho học sinh hoạt động. Giáo viên sử dụng các hình thức dạy học như: Thảo luận nhóm, đàm thoại với nhau, với chính thầy cô hoặc hoạt động cá nhân (độc thoại) về một vấn đề. Các hình thức tổ chức hoạt động học có thể là: Đóng hoạt cảnh, chơi trò chơi, thi tiếp sức. Qua đó học sinh lĩnh hội kiến thức tích cực, tự giác “*học mà chơi, chơi mà học*”. Không khí học tập thoải mái khiến học sinh mạnh dạn, tự tin khi nói. Các em dần có khả năng

diễn đạt, phát biểu ý kiến, đánh giá trước đông người một cách lưu loát, rành mạch, dễ hiểu.



### Thảo luận nhóm trong giờ học

Trong chương trình lớp 3, mỗi tiết Viết là một hệ thống bài tập có tính định hướng, gợi mở, với nhiều dạng bài. Vì vậy, giáo viên vẫn bám sát mục tiêu của tiết dạy, bài dạy nhưng linh hoạt, chủ động hơn trong cách tổ chức các hoạt động dạy-học, phân bố thời gian hợp lý tạo được không khí học tập phát huy được tính tích cực, sáng tạo của học sinh.

**Ví dụ:** Khi dạy bài luyện tập (Tuần 10) *Kể về ông bà (hoặc một người thân) của em.* Ở bài này tôi tiến hành như sau:

+ Bước 1: Hướng dẫn học sinh chuẩn bị:

- Xác định yêu cầu: Kể về ông, bà (hoặc một người thân) của em.

+ Bước 2: Hướng dẫn học sinh làm bài:

Em kể về người thân của mình theo các câu hỏi gợi ý trong sách giáo khoa theo nhóm đôi dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

Giáo viên cho một vài học sinh nói trước lớp. Các bạn nhận xét, giáo viên hướng dẫn sửa từ, câu.

Học sinh có thể viết được đoạn văn hoàn chỉnh như sau: *Bé Bóng nhà em sắp sửa được hai tuổi. Bé có đôi mắt đen, tròn xoe và nước da trắng hồng. Mái tóc của bé màu đen hơi nâu, loăn xoăn trông thật mềm mại. Bé đang bi bô tập nói. Cả nhà em ai cũng rất yêu bé.*

Sau đó để cho nhiều em được nói hơn giáo viên tổ chức trò chơi học tập cho học sinh.

\* Ở phần này có thể cho học sinh chơi trò chơi: *Thi kể về người thân.*

- Hình thức chơi: Mỗi lượt khoảng 10 em lên hái hoa. Lần lượt từng học sinh lên bóc thăm (treo trên cây hoa) kể về người thân theo yêu cầu trong các lá thăm:

- . Kể về ông nội (hoặc ông ngoại) của em.
- . Kể về bà nội (hoặc bà ngoại) của em.
- . Kể về bố em. Kể về mẹ em.

. Kể về anh (hoặc chị, hoặc em) của em...

Theo các câu hỏi gợi ý sau: Người thân là ai? Khoảng bao nhiêu tuổi? Thường làm gì ở nhà? Yêu thích gì nhất?

- Trình tự chơi:

+ Học sinh bốc thăm (hái hoa).

+ Học sinh về chỗ viết đoạn kể theo yêu cầu trong khoảng 5 – 7 phút.

- Thu 10 bài hoàn thành sớm nhất.

- Người viết đọc to bài làm.

- Lớp bình chọn bài làm tốt nhất.

- Trao phần thưởng cho học sinh làm bài tốt.

**Chú ý:** Nếu học sinh bốc được lá thăm không phù hợp với mình (Ví dụ không có bà mà bốc được lá thăm yêu cầu kể về bà) thì cho học sinh đó được đổi lá thăm khác (hái hoa khác).

### **2.3. Giải pháp 3: Vận dụng lồng ghép, tích hợp các phân môn của Tiếng Việt khi dạy viết đoạn.**

Trong quá trình giảng dạy, tôi đã liên hệ những nội dung kiến thức có liên quan đến chủ đề học tập trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe, luyện tập với hoạt động luyện viết đoạn văn. Để cung cấp thêm vốn hiểu biết, vốn từ ngữ về sự vật, hiện tượng xoay quanh các chủ đề để học sinh có kiến thức, không bỡ ngỡ khi gặp những đề bài mới chưa được luyện tập trên lớp. Giúp học sinh có vốn hiểu biết về đề tài, vận dụng kĩ năng thực hành để bài viết đạt kết quả.

Khi dạy viết đoạn giáo viên cần hiểu rõ tính tích hợp kiến thức giữa các tiết tiếng việt đọc, luyện tập, nói và nghe để giảng dạy. Mọi quan hệ này thể hiện rất rõ trong cấu trúc của sách giáo khoa, các bài học được biên soạn theo chủ đề, chủ điểm hay đơn vị học xoay quanh một chủ điểm ở tất cả các phân môn. Việc làm này cung cấp thêm vốn hiểu biết, vốn từ ngữ về sự vật hiện tượng để học sinh có kiến thức, không bị bỡ ngỡ khi gặp những đề bài mới chưa được luyện tập trên lớp.

Tăng cường củng cố, mở rộng kiến thức cho học sinh qua các phân môn được học trong cùng một chủ điểm, giáo viên kết nối nội dung kiến thức có liên quan trong chủ điểm đó. Giúp học sinh có hiểu biết về đề tài, vận dụng kĩ năng thực hành để bài viết đạt kết quả.

**Ví dụ:** Khi học về chủ đề “Ông bà”; “Cha mẹ”; “Anh em” (từ tuần 10 đến tuần 15) với rất nhiều những bài học thấm đượm tình cảm thương yêu trong gia đình, cùng với những tiết học luyện tập cung cấp, mở rộng vốn từ ngữ cho học sinh. Ngoài việc giúp học sinh hiểu rõ và biết chắc người thân của mình là những ai, việc khai thác và giáo dục tình cảm cho học sinh thông qua các nhân vật trong bài đọc, nhấn mạnh cái hay, cái đẹp của nội dung bài, hướng cho học sinh liên hệ đến bản thân, gia đình, người thân của mình, tôi còn cung cấp thêm từ ngữ, hướng dẫn các em hệ thống, lựa chọn, ghi nhớ các từ ngữ phù hợp với đề tài (ông bà, cha mẹ, anh em) để chuẩn bị cho bài

luyện viết đoạn văn sắp tới (viết về người thân). Tôi luôn nói với các em sự cần thiết phải học thuộc và lựa chọn những từ ngữ đã học để các em vận dụng vào viết đoạn văn, khơi gợi và kích thích tinh thần học tập của các em.

Chẳng hạn, khi học bài luyện tập (tuần 10): *Kể về ông bà (hoặc một người thân) của em*. Trước hết, tôi cho học sinh nắm rõ yêu cầu bài bằng cách cho học sinh đọc kỹ các gợi ý như:

- a) Ông bà (hoặc người thân) của em bao nhiêu tuổi?
- b) Ông bà (hoặc người thân) của em làm nghề gì?
- c) Ông bà (hoặc người thân) của em yêu quý, chăm sóc em như thế nào?

Với gợi ý (a), (b) học sinh sẽ nói được ngay không mấy khó khăn. Nhưng với gợi ý (c) tôi sẽ gợi ý để học sinh nhớ lại trong bài đọc, bài luyện tập có những từ ngữ nào nói về sự quan tâm, chăm sóc của ông bà, cha mẹ, người thân đối với con cái để các em có thể vận dụng những từ ngữ đó để có một bài nói hoàn chỉnh, rèn lối diễn đạt mạch lạc, logic, câu văn có hình ảnh cảm xúc. Trên cơ sở đó bài luyện nói của các em sẽ trôi chảy, sinh động, giàu cảm xúc, đồng thời hình thành cho các em cách ứng xử linh hoạt trong cuộc sống, hình thành cho học sinh kiến thức về mối quan hệ yêu thương gắn bó giữa những người trong gia đình.

Khi viết bài, tôi hướng dẫn học sinh lựa chọn từ ngữ, hình ảnh phù hợp mà các em vừa sử dụng ở bài luyện nói để viết đoạn văn hoàn chỉnh theo đúng luật chính tả. Xuất phát từ các hoạt động đọc, nói và nghe, luyện tập, viết xoay quanh chủ đề “Ông bà”, học sinh biết kể về ông bà (hoặc một người thân) của em và viết được đoạn văn hoàn chỉnh, thể hiện tình cảm, thái độ đối với người trong gia đình qua việc sử dụng từ ngữ, câu văn có hình ảnh.

#### **2.4. Giải pháp 4: Ứng dụng sơ đồ tư duy theo chủ đề**

\***Khái niệm:** Sơ đồ tư duy còn gọi là bản đồ tư duy, lược đồ tư duy,... là hình thức ghi chép nhằm tìm tòi đào sâu, mở rộng một ý tưởng, hệ thống hóa một chủ đề hay một mạch kiến thức,... bằng cách kết hợp việc sử dụng đồng thời hình ảnh, đường nét, màu sắc, chữ viết với sự tư duy tích cực.

Đặc biệt đây là một sơ đồ mở, không yêu cầu tỉ lệ, chi tiết chặt chẽ như bản đồ địa lí, có thể vẽ thêm hoặc bớt các nhánh, mỗi người vẽ một kiểu khác nhau, dùng màu sắc, hình ảnh, các cụm từ diễn đạt khác nhau, cùng một chủ đề nhưng mỗi người có thể “thể hiện” nó dưới dạng sơ đồ tư duy theo một cách riêng, do đó việc lập sơ đồ tư duy phát huy được tối đa khả năng sáng tạo của mỗi người.

Đối với học sinh lớp 3, việc quan sát, nói đúng, viết đúng, diễn đạt thành lời đã khó, để viết văn hay bố cục rõ ràng, mạch lạc, cảm xúc chân thực, hình ảnh sinh động lại càng khó hơn nhiều. Do đặc điểm tâm lí học lớp 3 còn nhỏ, kĩ năng quan sát chưa tinh tế, vốn từ chưa nhiều và cách sử dụng ngôn ngữ chưa linh hoạt, dẫn đến khi viết văn miêu tả, học sinh còn mang tính chất liệt kê, lặp ý, không biết cách diễn đạt điều



muốn tả. Việc vận dụng sơ đồ tư duy giúp học sinh định hình được nội dung cần viết trong bài để đảm bảo đầy đủ nội dung yêu cầu.

Với mỗi chủ đề tôi giúp học sinh theo dõi sơ đồ tư duy gợi ý từ tư liệu SGK kết hợp với sơ đồ tư duy để các em tự xây dựng. Tôi tập cho các em thói quen viết đoạn dựa trên sơ đồ gợi ý đây cũng chính là bước đệm giúp các em thành thạo lập dàn ý khi học lên lớp 4 lớp 5.



**Sử dụng sơ đồ tư duy trong dạy học**

**Kết luận:** Việc sử dụng triệt để, khai thác hiệu quả tư liệu ứng dụng sơ đồ tư duy trong dạy học luyện viết đoạn là phương pháp mang lại rất nhiều hiệu quả cho tiết học. Sơ đồ tư duy là phương pháp dạy học tích cực tôi đã áp dụng nhiều trong các môn học. Với hoạt động luyện viết đoạn văn cũng vậy, sơ đồ tư duy là phương pháp giúp học sinh được tập khả năng phân tích, tổng hợp. Đây chính là công cụ, là bí quyết để giúp cho học sinh tiểu học nhanh tiến bộ trong viết văn. Không những vậy, bằng cách kết hợp việc sử dụng đồng thời hình ảnh, đường nét, màu sắc, chữ viết... sơ đồ tư duy còn giúp các em giải tỏa áp lực trong giờ học văn, khơi dậy hứng thú, năng khiếu viết văn, phát triển khả năng tư duy, tạo cho các em thói quen tích cực suy nghĩ và cảm giác tự tin khi viết đoạn văn ở lớp 3.

### **2.5. Giải pháp 5: Coi trọng việc chấm, chữa bài và nhận xét bài làm cho học sinh.**

Đối với học sinh lớp 3, bài viết của các em vẫn còn lỗi chính tả, lỗi dùng từ, viết câu còn vướng mắc rất nhiều. Chính vì vậy, tôi luôn có ý thức là cần phải rèn cho các em thói quen viết đúng trong mỗi tiếng, mỗi từ, mỗi câu, sử dụng câu đúng, từ hay... Trình bày đoạn văn rõ ràng, sạch đẹp hơn. Để đạt được điều này tôi đã làm tốt công việc chữa và nhận xét bài làm của học sinh. Chấm và chữa bài là công việc lao động vất vả, phức tạp đòi hỏi người giáo viên phải có tinh thần trách nhiệm cao, thái độ cẩn trọng, đúng đắn. Giáo viên tiếp xúc với sản phẩm tinh thần của học sinh. Kiểm nghiệm thành quả lao động và giảng dạy, giáo dục của mình. Khi chấm chữa bài giáo viên phải có thái độ thương yêu, tôn trọng học sinh. Đoạn văn là kết quả lao động của các em.

Vì thế nó hay hoặc dở vẫn phải tôn trọng. Tránh tuyệt đối tình trạng “Làm cho xong việc” mà coi thường sản phẩm của học sinh làm ra. Trong khi chấm tôi chỉ ra chính xác các loại lỗi mà học sinh đã phạm phải. Ghi và chỉ rõ đó là lỗi gì? Sai thế nào? Cụ thể hơn tôi ghi vào cuốn sổ công tác để tiện cho việc sửa chữa, khắc phục đối với bài viết của học sinh khi trả bài. Việc ghi lại lỗi sai đó nhằm mục đích phục vụ cho công việc giảng dạy lí thuyết hay sử dụng tư liệu khi trả bài. Qua việc chấm bài, tôi nắm được thực tế bài làm của học sinh (Bài viết đúng nội dung hay chưa? Học sinh còn mắc những loại lỗi nào?). Tôi đánh giá, nhận xét trên sự sáng tạo của học sinh, tôn trọng ý tưởng của học sinh. Tuy nhiên cũng cần phải điều chỉnh, sửa chữa nếu chưa phù hợp. Tôi đặc biệt chú trọng đến cách trình bày, diễn đạt của các em (nhất là với những học sinh yếu). Khi thấy bài làm của học trò trình bày vấn đề lủng củng, không rõ ràng hoặc sử dụng từ ngữ không phù hợp, tôi sẽ nhận xét khéo và gợi ý, tập cho các em và cả các bạn khác cùng cân nhắc, diễn đạt lại vấn đề sao cho trôi chảy, rõ ràng, đủ ý và dễ hiểu. Tập cho học sinh biết viết câu đầy đủ bộ phận. Đầu tiên tôi cho cả lớp cùng thực hiện chung trên một vài bài, sau đó là cùng thực hiện trong nhóm, dần dần là mỗi cá nhân sẽ tự kiểm tra, rà soát trên bài làm của mình.

Đọc cho học sinh nghe những đoạn văn hay của bạn để các em học tập những câu văn, ý văn hay tập vận dụng vào bài làm của mình và giúp các em nhận thấy sự khác nhau về cách diễn đạt trong cùng một đề bài, những bài làm thể hiện sự suy nghĩ độc lập của cá nhân luôn được khích lệ và tôn trọng. Ngoài ra, tôi còn thường xuyên tổ chức cho các em nhận xét, đánh giá bài của bạn (cách dùng từ, đặt câu, ...) rồi rút kinh nghiệm, vận dụng vào bài của mình. Trao đổi, bàn bạc, suy nghĩ tìm ý hay, cách chỉnh sửa những ý chưa hay, chưa phù hợp, học tập ở bài làm của bạn để bổ sung, chỉnh sửa bài làm của mình.

### **III.2. Tính mới, tính sáng tạo :**

#### **III.2.1. Tính mới:**

- Học sinh có vốn từ phong phú, sinh động để vận dụng trong khi nói và viết câu văn, đoạn văn giúp học sinh học tập tích cực hơn, yêu thích môn học và học sinh tự tin, nhanh nhẹn, linh hoạt hơn.

- Vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức dạy học tích cực giúp học sinh phát huy năng lực diễn đạt, viết câu sinh động, chân thực hơn.

- Khi lồng ghép, tích hợp các phân môn làm tăng cường củng cố, mở rộng kiến thức cho học sinh. Giúp học sinh có hiểu biết về đề tài, vận dụng kĩ năng thực hành để bài viết đạt kết quả.

- Sơ đồ tư duy giúp chúng ta dễ dàng hình dung quá trình cấu trúc đoạn văn, hiểu rõ mạch tư duy trong viết văn, nắm bắt được trình tự hành văn, nắm vững được các dạng thức và phương pháp viết các thể văn khác nhau, từ đó nhanh chóng học được cách viết văn.

#### **III.2.2. Tính sáng tạo:**

- Phát huy được sự sáng tạo, tư duy, trí tưởng tượng của từng em khi làm bài, làm phong phú thêm vốn từ cho các em.

- Với các phương pháp dạy học tích cực học sinh có nhiều cơ hội hơn để diễn đạt và khám phá ý tưởng của mình

- Sử dụng sơ đồ tư duy giúp xây dựng được cho học sinh ghi nhớ một cách khoa học, logic nên sẽ không bỏ sót các chi tiết. Học sinh hiểu và nhớ lâu hơn so với việc lập dàn ý bằng gạch đầu dòng.

- Giải pháp giúp cho học sinh chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức từ thực tế cuộc sống đưa vào nội dung bài học một cách phù hợp khi cần.

- Giáo viên dễ dàng hơn khi tiếp cận bài dạy, cũng như truyền tải kiến thức cho học sinh một cách gần gũi linh hoạt và qua nhiều hình thức.

- Các em được học hỏi, nhận xét lẫn nhau trong các tiết trả bài giúp các em rèn được thêm các kỹ năng cơ bản khi viết văn cũng như trong giao tiếp.

- Góp phần định hướng tốt cho học sinh có văn hóa đọc, phát triển được khả năng viết văn cũng như mở rộng kiến thức, bồi dưỡng tình yêu đối với cuộc sống xung quanh.

### **III.3. Phạm vi ảnh hưởng, khả năng áp dụng của sáng kiến:**

Tôi đã áp dụng sáng kiến vào giảng dạy tại lớp 3D tôi chủ nhiệm và khối lớp 3 của trường đều mang lại kết quả cao. Nên các giải pháp tôi đưa ra có thể áp dụng vào hoạt động luyện viết đoạn văn cho học sinh lớp 3 trong toàn huyện.

Như vậy nếu áp dụng một cách linh hoạt, tinh tế thì các giải pháp trên sẽ giúp học sinh rất nhiều không chỉ ở phân môn Tiếng Việt mà còn là công cụ hỗ trợ học sinh và giáo viên tiếp cận kiến thức các bộ môn khác và cả kỹ năng sống, năng lực thẩm mỹ của mỗi cá nhân các em.

### **III.4. Hiệu quả, lợi ích thu được từ sáng kiến:**

#### **a) Hiệu quả kinh tế:**

Khi áp dụng những biện pháp này không hề tốn kém đến kinh tế của nhà trường và gia đình. Những giải pháp này phù hợp với mọi điều kiện cơ sở vật chất, sử dụng triệt để và hiệu quả với các trang thiết bị của nhà trường và địa phương. Giáo viên áp dụng sáng kiến không cần tìm hiểu quá nhiều tài liệu, thời gian nghiên cứu.

#### **b) Hiệu quả về mặt xã hội:**

Sau một thời gian thực nghiệm tuy ngắn, nhưng tôi thấy các giải pháp mà tôi áp dụng ngay tại lớp học đã đạt được những kết quả đáng mừng, khả năng viết văn của các em có cải thiện rõ rệt, đặc biệt là các em đã thích học hoạt động luyện viết đoạn văn hơn.

#### **c) Giá trị làm lợi khác:**

Việc rèn kỹ năng viết đoạn văn cho học sinh lớp 3 góp phần nâng cao khả năng sáng tạo của các em với thế giới xung quanh. Góp phần giáo dục tình cảm thẩm mỹ, lòng yêu cái đẹp; góp phần phát triển ngôn ngữ ở trẻ, khơi gợi cho các em những tình

cảm, xúc cảm, những ý nghĩ cao đẹp. Kỹ năng viết đoạn văn tốt ở lớp 3 là tiền đề, là điều kiện để các em có khả năng viết văn tốt ở lớp 4, lớp 5 và các bậc học sau này.

Trên đây là bản mô tả sáng kiến: "**Một số biện pháp nâng cao kỹ năng viết đoạn văn ngắn cho học sinh lớp 3 – Theo Chương trình GDPT 2018.**" tôi đã nghiên cứu, áp dụng và thực hiện. Tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu và thực nghiệm biện pháp sẽ không tránh khỏi những mặt hạn chế, thiếu sót. Tôi rất mong được sự giúp đỡ, đóng góp ý kiến quý báu của cấp trên và đồng nghiệp để biện pháp của tôi được hoàn thiện hơn, góp phần nâng cao chất lượng học tập cho học sinh.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Trường Thọ, ngày 22 tháng 1 năm 2024

**TÁC GIẢ SÁNG KIẾN**

**CƠ QUAN ĐƠN VỊ  
ÁP DỤNG SÁNG KIẾN**



*[Handwritten signature]*

HIỆU TRƯỞNG  
*Chu Thế Hùng*

*[Handwritten signature]*

**Nguyễn Thị Nhung**